

Bản án số: 96/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 23 - 12 - 2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rục.
2. Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Phương T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T. sinh năm 1975; địa chỉ: ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 20/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lâm Phương T trình bày:

Vào năm 2006, bà T và ông T kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/9/2006. Sau khi kết hôn, bà T và ông T sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông T có một người con tên là Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo Quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Phương T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006 cho bà Được trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con;

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Phương T xác định trong thời gian chung sống bà Lâm Phương T và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T.

[2] Về hôn nhân: Bà Lâm Phương T và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Phương T và ông Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Bà Lâm Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Xét yêu cầu của bà Lâm Phương T Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho ông Nguyễn Văn T và giữa bà Lâm Phương T, ông Nguyễn Văn T từ khi sống ly thân từ

tháng 05/2020 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh ngày 15/11/2022 về tình trạng hôn nhân giữa bà Lâm Phương T, ông Nguyễn Văn T của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Lâm Phương T và ông Nguyễn Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Bà Lâm Phương T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Lâm Phát L đang sống với bà T và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Lộc, cháu L có nguyện vọng sống chung với bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006 là có căn cứ.

Ông Nguyễn Văn T có quyền thăm nom cháu Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lâm Phương T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà Lâm Phương T cho rằng trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống bà Lâm Phương T cho rằng bà và ông Nguyễn Văn T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Lâm Phương T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Phương T và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Lâm Phương T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006. Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lâm Phát L do bà Lâm Phương T không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn T có quyền thăm nom cháu Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006 không ai được cản trở. Bà Lâm Phương T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lâm Phát L, sinh ngày 04/9/2006.

3. Về tài sản chung: Bà Lâm Phương T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lâm Phương T xác định trong thời gian chung sống bà T và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004522 ngày 26/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú. Như vậy, bà Lâm Phương T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng (PKTNV và THA)
- Lưu (HS, VP).

Dương Thị Thanh Hoa

